TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐA** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HSST
Ngày 30 - 03 - 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐA – T1 PHỐ HÀ NỘI

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ Phiên toà: Ông ***Trần Trung Trực***

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà ***Hoàng Thị Hòa***

2. Bà ***Phạm Thị Mứt***

- Thư ký phiên toà: Ông ***Thịnh Quang Trung*** – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện ĐA.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐA, T1 phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 30/03/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐA, T1 phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 03 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 03 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/HSST-QĐ ngày 25/3/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn NA,** sinh ngày 28/9/1996 tại Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 15, Tổ 20, phường LB, quận LB, T1 phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị H; có vợ là chị Đỗ Thùy L, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; Về nhân thân và theo trích lục tiền án, tiền sự số 3024084/PV06 ngày 16/02/2021 của Công an T1 phố Hà Nội và Lý lịch bị can thì bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979. Vắng mặt.

2. Anh **Nguyễn Công T1**, sinh năm 1984. Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn ĐD, xã DT, huyện ĐA, T1 phố Hà Nội

3. Chị **Nguyễn Thị VA**, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Trú tại: xóm Chùa, xã CL, huyện ĐA, T1 phố Hà Nội.

4. Anh **Hoàng Ngọc B**, sinh năm 1985. Có mặt.

Trú tại: Thôn VL, xã XC, huyện ĐA, T1 phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị **Phạm Thị Minh T2**, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn ĐD, xã DT, huyện ĐA, T1 phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn NA lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người dân trong việc làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã đưa ra thông tin giả về nhân thân, về quy trình làm thủ tục, để tạo niềm tin nhằm chiếm đoạt tài sản. Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2020 đến tháng 7/2020 bị cáo NA thực hiện các hành lừa đảo nhằm chiếm đoạt tiền cụ thể như sau:

Vụ Thứ nhất: Khoảng tháng 2/2020, thông qua anh Nguyễn Quang Tuấn (sinh năm 1991; trú tại: thôn VL, xã XC, huyện ĐA, T1 phố Hà Nội) bị cáo quen biết anh Hoàng Ngọc B. Gặp anh B, bị cáo NA giới thiệu tên giả là "Nam" hiện đang công tác tại Sở tài nguyên môi trường T1 phố Hà Nội, phụ trách địa bàn huyện ĐA, có bố vợ làm Phó chủ tịch UBND quận Hoàn Kiếm nên có thể làm sổ đỏ, tách sổ đỏ và sang tên chuyển nhượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ người này sang người khác".

Anh B biết anh Nguyễn Văn T đang gặp khó khăn trong việc tách thửa đất số 155 tờ bản đồ số 1 địa chỉ: ĐD, DT, ĐA, Hà Nội từ một sổ đỏ T1 ba sổ đỏ cho 03 anh em của nhà anh T. Anh B nói "có quen người tên Nam làm tại Sở tài nguyên môi trường T1 phố Hà Nội.

Ngày 29/5/2020, anh T đến nhà anh B ở: VL, XC, ĐA, Hà Nội gặp bị cáo NA để nói chuyện. Gặp anh T, bị cáo NA giới thiệu tên là "Nam, hiện đang Công tác tại Sở tài nguyên môi trường Hà Nội phụ trách địa bàn huyện ĐA, bố vợ làm Phó chủ tịch UBND quận Hoàn Kiếm". Anh T nói "gia đình có thửa đất muốn tách làm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 anh em anh T. Anh T còn nói "nhiều lần nộp hồ sơ lên UBND huyện ĐA đề nghị tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đều bị trả hồ sơ về do thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị sai so với sổ hộ khẩu gia đình". Sau đó NA đã giả vờ ra ngoài gọi điện thoại, khi quay lại bị cáo NA nói dối chị "Trâm" cán bộ Phòng tài nguyên và môi trường huyện ĐA đã đồng ý nhận hồ sơ và "chi phí tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mất khoảng 20.000.000đ", anh T đồng ý và nhờ NA làm giúp. NA bảo anh T "đưa ba bộ hồ sơ bị trả lại kèm chi phí mỗi hồ sơ nộp trước số tiền 2.000.000đ làm lệ phí".

Khoảng 19^{h}00' ngày 01/6/2020 anh T và anh Nguyễn Công T1 đem ba bộ hồ sơ xin tách thửa đất và số tiền 6.000.000đ đến nhà anh B đưa cho bị cáo NA. Bị cáo NA nhận hồ sơ mang về nhà cất, số tiền 6.000.000đ NA đã tiêu sài cá nhân hết.

Tiêu hết tiền, NA sử dụng điện thoại di động gọi anh T nói dối "đã làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giờ chỉ chờ đóng dấu, đề nghị anh T

đưa thêm số tiền 15.000.000đ để cảm ơn và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/7/2020. Ngày 12/6/2020, anh T đem số tiền 15.000.000đ đến quán bia "Lịch T2" địa chỉ thôn VL, XC, ĐA, Hà Nội đưa cho NA.

Ngày 25/6/2020, bị cáo NA liên lạc với anh T thông báo đã nộp thuế và lệ phí cho anh T hết số tiền 2.100.000đ. Tối cùng ngày, NA cùng anh B đến nhà anh T gặp chị Phạm Thị Minh T2 (vợ anh T) nhận số tiền 2.100.000đ. Bị cáo NA trả lại ba bộ hồ sơ cho anh T nói "em trả lại ba bộ hồ sơ cho anh, đến ngày hẹn thì anh lấy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về". Anh T đề nghị đưa biên lai nộp thuế thì bị cáo NA nói dối biên lai để tại cơ quan sẽ đưa sau.

Đầu tháng 7/2020, bị cáo NA vào mạng Internet tìm thông tin thấy có mẫu "Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" nên in phiếu để sử dụng. NA điền thông tin Cơ quan là Sở tài nguyên môi trường, viết thông tin cá nhân của anh Nguyễn Văn Ngọc số 3604 và anh Nguyễn Công T1 số 3608 ngày tiếp nhận là 06/6/2020, ngày hẹn trả là 20/7/2020 với thông tin người nhận kết quả ký tên là Nguyễn L Phương. Bị cáo NA liên lạc với anh T đề nghị đưa thêm số tiền 1.500.000đ để đi xin dấu và trả giấy hẹn. Anh T liên lạc với anh T1 bảo chuẩn bị số tiền 1.500.000đ đưa cho bị cáo NA, anh T1 đồng ý. Cùng ngày tại quán bia "Lịch T2" anh T1 đã đưa số tiền trên cho bị cáo NA. NA đã đưa cho anh T1 "Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" rồi hướng dẫn anh T1 ký ghi rõ họ tên vào phần người nộp hồ sơ, phiếu còn lại bị cáo NA bảo anh T1 đem về cho anh Ngọc ký. Bị cáo NA xé liên 1 tiếp nhận giữ lại, đưa cho anh T1 02 phiếu của liên 2. Sau đó, NA đi về, trên đường đi đã vứt bỏ hai phiếu tiếp nhận. Anh T1 đem phiếu thông tin của anh Nguyễn Văn Ngọc đưa lại cho anh T xem. Do anh Ngọc không có nhà nên anh T ký thay anh Ngọc vào phần người nộp hồ sơ với tên của anh Nguyễn Văn Ngọc để chờ đến ngày 20/7/2020 đi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 6/2020 chị Nguyễn Thị VA có nhu cầu sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ Tổ 20, thị trấn ĐA, ĐA, Hà Nội mang tên bà Bùi Thị Mai (sinh năm 1954) cho anh Trịnh Tiến Hùng (con trai bà Mai) nên nhờ B giới thiệu cho NA. Khoảng 21^h00 ngày 26/6/2020, anh B, chị VA và anh Hùng gặp bị cáo NA tại quán café khu vực sông Thiếp thuộc thôn Đài Bi, Uy Nỗ, ĐA, Hà Nội. Bị can NA nói "làm được và NA trực tiếp làm, nếu đồng ý thì về chuẩn bị Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn và chi phí là 20.000.000đ". Ngày hôm sau, tại quán cafe chị VA đưa cho bị can NA 01 bộ hồ sơ theo yêu cầu và số tiền 15.000.000đ. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, bị cáo NA đem hồ sơ về nhà cất, đem số tiền đó tiêu sài cá nhân hết.

Đến ngày 06/7/2020, bị cáo NA nhờ anh Chu T1 Công (sinh năm 1996; Nơi ĐKHKTT: số 110 Ngọc Lâm, Ngọc Lâm, LB, Hà Nội) số tài khoản ngân hàng để nhận tiền, anh Công đồng ý. Bị cáo NA liên lạc với chị VA đề nghị

chuyển tiền nộp thuế và lệ phí là 10.000.000đ vào tài khoản 0011004302632 để đến ngày 01/8/2020 được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị VA sử dụng dịch vụ internetbanking của ngân hàng ACB chuyển số tiền 10.000.000đ vào tài khoản của Công. Bị cáo NA nhờ anh Công rút tiền cho NA. Anh Công đã rút tiền và đưa cho NA. Sau khi nhận tiền NA trả T bộ hồ sơ cho chị VA và nói "khoảng 15 ngày hoặc một tháng sẽ nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Số tiền 10.000.000 đồng NA đã sử dụng cá nhân hết.

Vụ Thứ ba: Do có nhu cầu làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên ông Hoàng Ngọc Hòa (là bố đẻ anh B đã chết) sang tên cho anh B. Anh B đã nhờ NA làm hộ. Bị cáo NA đề nghị đưa số tiền 2.100.000đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, giấy khai sinh của anh B và sổ hộ khẩu để bị cáo NA làm giúp. Đầu tháng 7/2020, anh B gặp bị cáo NA tại quán café địa chỉ Đài Bi, Uy Nỗ, ĐA, Hà Nội đưa số tiền 2.100.000đ kèm hồ sơ theo yêu cầu. Bị cáo NA đem hồ sơ về nhà cất.

Ngày 16/7/2020, bị cáo NA trả cho anh B bộ hồ sơ giấy tờ đã nhận. Anh B kiểm tra thấy thiếu giấy khai sinh nên hỏi bị cáo NA. Bị cáo NA nói "Giấy khai sinh bản chính vài ngày nữa sẽ lấy cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" Bị cáo NA hỏi vay anh B số tiền 500.000đ để tiêu, anh B đồng ý cho vay.

Anh B chờ nhưng không thấy bị cáo NA trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã hứa, liên lạc điện thoại nhiều lần nhưng không liên lạc được. Anh B nghi ngờ bị cáo NA lừa đảo nên đi tìm và đưa đến cơ quan trình báo.

Ngoài ra, anh B còn tố giác bị cáo NA mượn 04 con gà chọi của anh B đến nay không trả lại. Anh B xác định 04 con gà chọi trị giá khoảng 4.000.000đ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ tạm giữ:

+ Của anh Nguyễn Văn T:01 phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký cấp giấy chứng nhận số 3604, dưới mục "Người nộp hồ sơ" có chữ ký tên Nguyễn Văn Ngọc, dưới mục "Người nhận kết quả" có chữ ký tên Nguyễn L Phương; 01 Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký cấp giấy chứng nhận số 3608, dưới mục "Người nộp hồ sơ" có chữ ký tên Nguyễn Công T1, dưới mục "Người nhận kết quả" có chữ ký tên Nguyễn L Phương.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị can NA khai nhận hành vi phạm tội phù hợp tài liệu chứng cứ thu thập được.

Ngày 15/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã Quyết định trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an T1 phố Hà Nội giám định tài liệu đối với 02 Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký cấp giấy chứng nhận số 3604 và 3608. Tại bản Kết luận giám định số 9281/KL-GĐ-PC09-Đ4 ngày 30/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an T1 phố Hà Nội ra Bản kết luận giám định kết luận xác định:

+ Chữ viết phần nội dung, chữ ký dạng chữ viết "Phương", chữ ký dòng họ tên Nguyễn L Phương (dưới chữ ký) mục "Người nhận kết quả" trên Phiếu

tiếp nhận và trả kết quả đăng ký cấp giấy chứng nhận số 3604 và 3608 do Nguyễn NA viết và ký ra.

+ Chữ ký dạng chữ viết "Ngoc", chữ viết dòng họ tên Nguyễn Văn Ngọc (dưới chữ ký) mục "Người nộp hồ sơ" trên Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký cấp giấy chứng nhận số 3604 do anh Nguyễn Văn T viết và ký ra.

+ Chữ ký dạng chữ viết "Thanh", chữ viết dòng họ tên Nguyễn Công T1 (dưới chữ ký) mục "Người nộp hồ sơ" trên Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký cấp giấy chứng nhận số 3608 do anh Nguyễn Công T1 viết và ký ra.

Xác minh tại Sở tài nguyên và môi trường T1 phố Hà Nội xác định: từ đầu năm 2020 đến nay tại Sở tài nguyên và môi trường T1 phố Hà Nội không có cán bộ, công nhân viên nào tên Nguyễn NA hay tên Nam hiện đang công tác và làm việc tại sở. Xác minh tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện ĐA xác định: từ đầu năm 2020 đến nay không có cán bộ, công chức, người lao động tên "Trâm hoặc Châm" như bị cáo NA đã khai tại Cơ quan điều tra và từ đầu năm 2020 đến nay không tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất nào liên quan đến các công dân có tên Nguyễn Văn T; bà Bùi Thị Mai và ông Hoàng Ngọc Hòa.

Quá trình điều tra xác định đối với anh Hoàng Ngọc B mặc dù giới thiệu cho anh T và chị VA cho bị cáo NA nhưng anh B không tham gia bàn bạc, không được hưởng lợi, không biết bị cáo NA lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Căn cứ tài liệu điều tra xác định anh B không đồng phạm với bị cáo NA về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Đạt, bị cáo NA khai quen ngoài xã hội, không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không làm rõ được.

Đối với anh Chu T1 Công được bị cáo NA nhờ số tài khoản để nhận tiền của chị VA. Bị can NA khai quen ngoài xã hội, chưa đến nhà chơi lần nào, anh Công không biết NA chiếm đoạt tài sản của chị VA. Xác minh tại địa chỉ số 110 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận LB xác định: Anh Công có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Ngọc Lâm nhưng không ăn ở tại địa phương. Anh Công chuyển đến nơi ở khác, không khai báo với chính quyền nên Cơ quan điều tra không làm rõ được, không lấy được lời khai. Tài liệu điều tra không đủ căn cứ chứng minh anh Công đồng phạm với NA nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với nội dung tố giác của anh B về việc bị cáo NA mượn 04 con gà chọi đến nay không trả. Cơ quan Cảnh sát điều tra tổ chức xác minh xác định: Anh B cho bị cáo NA mượn gà chọi là tự nguyện, không bị ép buộc, anh B và bị cáo NA không thỏa thuận về việc ngày nào trả gà. Sau khi mượn gà thì 04 con gà chọi đã chết. Bị cáo NA bồi thường số tiền 4.000.000đ là giá trị của 04 con gà cho anh B. Ngày 05/01/2021, anh B nhận được số tiền 4.000.000đ, không đề nghị bồi thường gì thêm. Với tài liệu điều tra thu thập được xác định nội dung tố

giác này của anh B là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu của tội phạm hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về dân sự : Ngày 31/7/2020 và ngày 30/9/2020, NA đã nộp tổng số tiền 52.200.000đ cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Ngày 09/10/2020 Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả cho anh B số tiền 2.600.000đ, trả cho chị VA số tiền 25.000.000đ và trả cho anh T số tiền 24.600.000đ. Sau khi nhận lại tài sản, anh B, anh T và chị VA không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với Giấy khai sinh bản chính của anh B, bị cáo NA làm thất lạc không biết ở đâu nên Cơ quan điều tra không tạm giữ được. Anh B không đề nghị bồi thường gì về việc NA làm mất giấy khai sinh.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSĐA ngày 01/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA đã Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn NA về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn NA khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐA giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015. *Xử phạt:* bị cáo Nguyễn NA từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt; những người tham gia tố tụng khác không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi và tội danh của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn NA tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2020 đến tháng 7/2020, bị cáo NA bằng thủ đoạn gian dối nói sẽ thực hiện chuyển nhượng, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thực chất là không làm gì nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại để tiêu cá nhân. Bị cáo đã thực hiện 03 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Công T1 số tiền 24.600.000 đồng, của chị Nguyễn Thị VA số tiền 25.000.000 đồng và của anh Hoàng Ngọc B số tiền 2.100.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 51.700.000 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn NA đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015. Điều luật quy định:

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đay thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

.....

c,Chiếm đoạt tài sản từ 50.000.000 đồng…

....."

[2] Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất lòng tin, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã T1 niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi đã cố tình thực hiện.

Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là: Phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: bị cáo T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho những người bị hại do vậy cần áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về tiền án, tiền sự của bị cáo: bị cáo không có tiền án tiền sự

[4] Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung với mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị là thỏa đáng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công ăn, việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã khắc phục hậu quả cho những người bị hại và những người bị hại không có yêu cầu gì khác, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện ĐA thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố và xét xử. Kết luận điều tra của công an ĐA, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA và đề nghị hình phạt áp dụng với bị cáo là đúng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn NA phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 174, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn NA** 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Căn cứ Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án xử:

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại đủ cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, việc bồi thường thiệt hại đã xong nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Bị cáo Nguyễn NA phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại (anh T1, anh B) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (anh T, chị VA) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị T2) có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Trung Trực

<u>Nơi nhận</u>:
- *Bị cáo;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *VKSND huyện ĐA;*
- *Công an huyện ĐA;*
- *Chi cục THADS huyện ĐA;*
- *Sở TP T1 phố Hà Nội;*
- *UBND phường LB, Q. LB;*
- *Lưu hồ sơ.*